

●33. KHÁI NIỆM SỐ THẬP PHÂN (tiếp theo)

A – MỤC TIÊU

Giúp HS :

- Nhận biết ban đầu về khái niệm số thập phân (ở các dạng thường gặp) và cấu tạo của số thập phân.
- Biết đọc, viết các số thập phân (ở các dạng đơn giản thường gặp).

B – ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Kẻ sẵn vào bảng phụ bảng nêu trong bài học của SGK.

C – CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU

1. Tiếp tục giới thiệu khái niệm về số thập phân

- GV hướng dẫn HS tự nêu nhận xét từng hàng trong bảng để nhận ra, chẳng hạn :

2m 7dm hay $2\frac{7}{10}$ m được viết thành 2,7m ; 2,7m đọc là : hai phẩy bảy mét.

Tương tự với 8,56m và 0,195m.

– GV giới thiệu : Các số 2,7 ; 8,56 ; 0,195 cũng là số thập phân. (Cho vài HS nhắc lại).

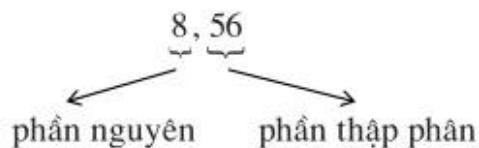
– GV giới thiệu hoặc hướng dẫn HS tự nhận xét với sự hỗ trợ của GV để HS nhận ra :

Mỗi số thập phân gồm hai phần : phần nguyên và phần thập phân ; những chữ số ở bên trái dấu phẩy thuộc về phần nguyên, những chữ số ở bên phải dấu phẩy thuộc về phần thập phân.

GV viết từng ví dụ của SGK lên bảng, gọi HS chỉ vào phần nguyên, phần thập phân của số thập phân rồi đọc số đó.

Chú ý : Với số thập phân 8,56 thì phần nguyên gồm chữ số 8 ở bên trái dấu phẩy và phần nguyên là 8, phần thập phân gồm các chữ số 5 và 6 ở bên phải dấu phẩy và phần thập phân là $\frac{56}{100}$, do đó không nên nói tắt là : phần thập phân là 56.

Viết :



chỉ giúp HS dễ nhận ra cấu tạo (giản đơn) của số thập phân.

2. Thực hành

GV hướng dẫn HS tự làm bài rồi chữa bài.

Bài 1 : GV cho HS đọc từng số thập phân.

Bài 2 : Cho HS làm bài rồi chữa bài. Khi chữa bài HS phải đọc từng số thập phân đã viết được.

Kết quả viết là : 5,9 ; 82,45 ; 810,225.

Bài 3 : Cho HS tự làm bài rồi chữa bài.

Kết quả là :

$$0,1 = \frac{1}{10} ; 0,02 = \frac{2}{100} ; 0,004 = \frac{4}{1000} ; 0,095 = \frac{95}{1000}.$$